

Số: /KH-SYT

Hậu Giang, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Hành động thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp với các vùng, đối tượng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Thực hiện Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030”; Quyết định số 2324/QĐ-BYT ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030”; Công văn số 1740/UBND-NCTH ngày 17 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc ủy quyền cho Sở Y tế phê duyệt các chương trình, đề án, kế hoạch của ngành Y tế; Công văn số 3313/VP.UBND-NCTH ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh Hậu Giang về việc tổ chức rà soát các kế hoạch ngành Y tế. Sở Y tế tỉnh Hậu Giang ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp với các vùng, đối tượng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tăng sinh hàng năm, phấn đấu đạt và duy trì vững chắc mức sinh thay thế, tiến tới ổn định quy mô dân số, phân bố dân cư phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025:

+ Tăng 10% tổng tỷ suất sinh hàng năm, phấn đấu đạt mức sinh thay thế 1,9 con/phụ nữ.

+ 70% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

+ 70% nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.

+ 70% xã, phường, thị trấn/huyện, thị xã, thành phố được công nhận mô hình sinh đủ 02 con.

+ 70% huyện, thị xã, thành phố có các chế độ, khuyến khích, hỗ trợ cho các cặp nam nữ kết hôn lần đầu trước 30 tuổi và cặp vợ chồng sinh đủ 02 con trước 35 tuổi (ngoài kinh phí cấp Tỉnh).

- Đến năm 2030:

+ Tăng 10% tổng tỷ suất sinh hàng năm, phấn đấu đạt mức sinh thay thế 2,1 con/phụ nữ.

+ 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

+ 90% nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.

+ 90% xã, phường, thị trấn/huyện, thị xã, thành phố được công nhận mô hình sinh đủ 02 con.

+ 100% huyện, thị xã, thành phố có các chế độ, khuyến khích, hỗ trợ cho các cặp nam nữ kết hôn lần đầu trước 30 tuổi và cặp vợ chồng sinh đủ 02 con trước 35 tuổi (ngoài kinh phí cấp Tỉnh).

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ.
- Lãnh đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp, tổ chức,...
- Người có uy tín, người đứng đầu tổ chức tại cộng đồng, tôn giáo, dòng họ, cá nhân có liên quan.

2. Phạm vi và thời gian thực hiện

a) Phạm vi: Thực hiện trên phạm vi toàn Tỉnh.

b) Thời gian: Từ năm 2022 - 2030 chia làm 02 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Từ năm 2022 - 2025. Thực hiện các mục tiêu của Chiến lược Dân số Việt Nam mà trọng tâm là tăng mức sinh hàng năm, phấn đấu đạt và duy trì mức sinh thay thế; xây dựng, điều chỉnh các chính sách dân số; nhân rộng mô hình sinh đủ 02 con trên phạm vi toàn Tỉnh.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2026 - 2030. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện, sơ kết giữa kỳ, mở rộng các đề án mô hình can thiệp; triển khai toàn diện các giải pháp, nhiệm vụ để đạt mục tiêu đã đề ra.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa việc chuyển hướng công tác dân số từ giảm sinh sang tăng sinh, phấn đấu đạt và duy trì mức sinh thay thế. Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo cuộc vận động thực hiện mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

- Ban hành các văn bản chỉ đạo, xây dựng chỉ tiêu cụ thể về việc điều chỉnh mức sinh của Tỉnh, hướng đến mục tiêu đạt mức sinh thay thế, mỗi gia đình, mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con.

- Cấp ủy đảng, chính quyền chủ trì, huy động các ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện kế hoạch; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, đơn vị trong tổ chức thực hiện. Thường xuyên giám sát, kiểm tra; đánh giá tình hình thực hiện, có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn của mỗi địa phương trong từng thời kỳ.

- Tham mưu ban hành quy định đảm bảo sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiên bộ, hạnh phúc; gắn với đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị, nhất là đối với người đứng đầu.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động chuyển đổi hành vi

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng các nội dung của Nghị quyết 21-NQ/TW nhằm tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội về việc chuyển hướng chính sách dân số từ tập trung vào KHHGD sang giải quyết toàn diện các vấn đề về dân số bao gồm quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số.

- Thay đổi thông điệp truyền thông phù hợp hướng đến mục tiêu tăng sinh, phân đầu đạt và duy trì mức sinh thay thế. Nội dung tuyên truyền vận động tập trung vào lợi ích của việc sinh đủ hai con; không kết hôn muộn; không sinh con quá sớm hoặc quá muộn; không sinh dày; mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con và nuôi dạy con tốt.

- Tăng cường chăm sóc SKSS cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, đặc biệt là cung cấp kiến thức, kỹ năng về chăm sóc phụ nữ trước khi mang thai, đang mang thai và sau khi sinh con. Bổ sung đầy đủ dinh dưỡng, vi chất thiết yếu cho phụ nữ mang thai nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bào thai, hạn chế thấp nhất các dị tật thai nhi, phòng chống suy dinh dưỡng và dị tật cho trẻ sinh.

- Đa dạng, phong phú, sinh động các hoạt động tuyên truyền, vận động với các hình thức hấp dẫn và thuyết phục. Chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet và mạng xã hội. Sử dụng hợp lý các loại hình văn hóa, văn nghệ, giải trí của địa phương để truyền thông. Phát huy vai trò của những người có ảnh hưởng với cộng chúng, gia đình và dòng họ. Thực hiện truyền thông tại nhà, tại cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số.

- Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, SKSS trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục. Mục tiêu của giáo dục dân số, SKSS phải bảo đảm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc SKSS; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị mỗi gia đình nên có hai con vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

- Triển khai mở rộng thực hiện chương trình giáo dục bắt buộc trước khi kết hôn đối với thanh niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn, cung cấp cho nam, nữ thanh niên các kiến thức về chăm sóc SKSS liên quan trực tiếp đến cuộc sống vợ chồng; chăm sóc, nuôi dạy con, quản lý kinh tế gia đình; củng cố giá trị mỗi gia đình nên có hai con, nuôi dạy con tốt và xây dựng gia đình bình đẳng, ấm no, tiên bộ, hạnh phúc.

3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ

- Tổ chức giám sát, đánh giá, góp ý sửa đổi các quy định không còn phù hợp với mục tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đặc biệt là các quy định

xử lý vi phạm chính sách dân số hiện hành. Đề xuất ban hành quy định về việc đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc.

- Hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con.
- Một số nội dung hỗ trợ, khuyến khích cần thí điểm như sau:
 - + Hỗ trợ để tạo môi trường nam, nữ thanh niên giao lưu, kết bạn, hẹn hò và tiến tới hôn nhân, khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi, không kết hôn muộn và sớm sinh con, phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi,...
 - + Xây dựng môi trường, cộng đồng phù hợp với các gia đình nuôi con nhỏ. Chú trọng quy hoạch, xây dựng các điểm trường, giữ trẻ, nhà mẫu giáo phù hợp với điều kiện của bà mẹ, nhất là các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị.
 - + Hỗ trợ phụ nữ khi mang thai, sinh con: Tư vấn, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em bao gồm sàng lọc vô sinh, sàng lọc trước sinh và sau sinh, phòng chống suy dinh dưỡng.
 - + Hỗ trợ cho phụ nữ mang thai là hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội, thuộc vùng đặc biệt khó khăn bổ sung dinh dưỡng, vi chất thiết yếu nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bào thai, hạn chế thấp nhất các dị tật thai nhi, phòng chống suy dinh dưỡng và dị tật cho trẻ sinh.
 - + Hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con: Mua nhà ở xã hội, thuê nhà ở; ưu tiên vào các trường công lập, hỗ trợ chi phí giáo dục trẻ em,...

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD

- Kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số, SKSS. Đào tạo, tập huấn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế để đảm bảo đáp ứng được các dịch vụ về dân số, SKSS cho Nhân dân.
- Xây dựng và phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ chăm sóc SKSS cho vị thành niên, thanh niên, tư vấn kiểm tra SKSS trước khi kết hôn... Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng; thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng.
- Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp ở địa bàn vùng xa, vùng dân tộc thiểu số: Tư vấn, hỗ trợ sinh sản, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc suy giảm chất lượng nòi giống.
- Đảm bảo đủ phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD miễn phí cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách, đối tượng thuộc xã đặc biệt khó khăn.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

- Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao kiến thức cơ bản về dân số cho đội ngũ cộng tác viên dân số đảm bảo thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên

truyền, vận động Nhân dân thực hiện sinh đủ hai con và tham gia cung cấp một số dịch vụ tới tận hộ gia đình.

- Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là kiến thức, kỹ năng lồng ghép các nội dung điều chỉnh mức sinh vào nhiệm vụ, hoạt động của các ngành, đơn vị.

- Thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ về quy mô dân số và mức sinh trong mối quan hệ qua lại với phát triển kinh tế - xã hội nhằm điều chỉnh phù hợp mức sinh từng giai đoạn của địa phương.

- Xây dựng hệ thống thông tin, số liệu dân số đáp ứng yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời tình hình và dự báo dân số phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng, thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý xã hội.

- Tiếp tục ổn định đội ngũ làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất. Duy trì đội ngũ cộng tác viên dân số là những người được Nhân dân tín nhiệm, làm việc trên tinh thần tình nguyện vì cộng đồng. Xây dựng, ban hành chính sách đãi ngộ phù hợp về vật chất, tinh thần cho đội ngũ này.

IV. KINH PHÍ

Tổng kinh phí giai đoạn 2022 - 2030 là: **13.519.700.000 đồng** (Mười ba tỷ năm trăm mười chín triệu bảy trăm ngàn đồng), cụ thể:

1. Kinh phí cấp tỉnh: 9.883.700.000 đồng

Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn sự nghiệp y tế (căn cứ vào khả năng cân đối nguồn sự nghiệp y tế hàng năm để bố trí thực hiện kế hoạch phù hợp) và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Kinh phí cấp huyện: 3.636.000.000 đồng, (Bao gồm các hoạt động: đẩy mạnh tuyên truyền, chuyển đổi hành vi (tập huấn cho người dân, học sinh trường Trung học phổ thông trên địa bàn); mở rộng tiếp cận các dịch vụ CSSKSS, KHHGD (thành lập và duy trì các mô hình “tư vấn bắt buộc trước kết hôn”, Câu lạc bộ “Nam nữ thanh niên kết hôn trước 30 tuổi”); tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình).

Kinh phí cấp huyện giao UBND huyện, thị xã, thành phố cân đối, cấp bổ sung theo tình hình thực tế địa phương để triển khai thực hiện Kế hoạch.

Đơn vị tính: đồng

Stt	Thời gian	Tổng kinh phí	Cấp tỉnh	Cấp huyện
1	Năm 2022	1.744.500.000	1.241.300.000	503.200.000
2	Năm 2023	1.561.400.000	1.101.400.000	460.000.000
3	Năm 2024	1.215.500.000	952.300.000	263.200.000
4	Năm 2025	1.800.000.000	1.340.000.000	460.000.000
5	Năm 2026	1.245.500.000	982.300.000	263.200.000

6	Năm 2027	1.521.400.000	1.061.400.000	460.000.000
7	Năm 2028	1.225.500.000	962.300.000	263.200.000
8	Năm 2029	1.551.400.000	1.091.400.000	460.000.000
9	Năm 2030	1.654.500.000	1.151.300.000	503.200.000
Tổng kinh phí		13.519.700.000	9.883.700.000	3.636.000.000

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Theo tinh thần nội dung Công văn số 1740/UBND-NCTH ngày 17 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc ủy quyền cho Sở Y tế phê duyệt các chương trình, đề án, kế hoạch của ngành Y tế.

Các sở ban ngành, đoàn thể căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp và hỗ trợ Sở Y tế trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

1. Sở Y tế

- Giao Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình là cơ quan thường trực tham mưu Sở Y tế chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch hoạt động thực hiện các chương trình, mục tiêu hàng năm, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong cùng thời kỳ.

- Chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê và các ngành chức năng tổ chức kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch, các chính sách pháp luật liên quan, kiểm tra định kỳ, hàng năm, theo chuyên đề và đột xuất để có thông tin kịp thời, toàn diện, chính xác các chỉ số dân số.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch - Đầu tư và các đơn vị liên quan xây dựng cơ chế, giải pháp huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội và các ngành liên quan đánh giá thực trạng chất lượng dân số của Tỉnh; Sở Tư pháp, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và truyền thông, các cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước về dân số.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, cán bộ làm dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD ở cơ sở, có kế hoạch nâng cấp, bổ sung trang thiết bị y tế, đào tạo và nâng cao trình độ cho cán bộ làm dịch vụ Y tế về chăm sóc SKSS/KHHGD.

- Hướng dẫn, phối hợp kiểm tra giám sát và tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo UBND tỉnh; tổ chức sơ kết và tổng kết kết quả thực hiện.

2. Sở Tài chính

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện kế hoạch này theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan tham mưu lồng ghép mục tiêu, chỉ tiêu về mức sinh vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của Tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án về thông tin, tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin theo định hướng của kế hoạch.

- Phối hợp với các cơ quan báo, đài địa phương, các cơ quan báo chí Trung ương đã hợp tác và chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác dân số trên địa bàn.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với các ngành liên quan tổ chức triển khai phát huy lợi thế giai đoạn cơ cấu dân số vàng; hướng dẫn nội dung giáo dục về giới, dân số, SKSS, bình đẳng giới, bảo trợ xã hội, người cao tuổi, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và xóa đói giảm nghèo... Lồng ghép các chương trình mục tiêu, chỉ tiêu dân số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế xây dựng nội dung giáo dục về Dân số - KHHGD, chăm sóc SKSS vị thành niên, thanh niên; xây dựng mạng lưới truyền thông giáo dục, tư vấn và chăm sóc SKSS, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

7. Cục Thống kê

Phối hợp với các ngành liên quan chỉ đạo việc thu thập, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các số liệu dân số và phát triển cho các cơ quan quản lý, quy hoạch, lập kế hoạch hàng năm.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ đã được giao.

- Phối hợp thực hiện tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, sự chỉ đạo của Nhà nước; vận động các tầng lớp Nhân dân đặc biệt phối hợp với các chức sắc tôn giáo vận động đồng bào có đạo tham gia thực hiện chính sách dân số và phát triển, mỗi gia đình nên sinh đủ 02 con để nuôi dạy cho tốt.

- Vận động các tổ chức, cá nhân,... hỗ trợ nguồn vốn để tạo sinh kế cho các gia đình sinh đủ 02 con có hoàn cảnh khó khăn, nhất là đối với các hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội.

9. UBND huyện, thị xã và thành phố

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện hàng năm, 5 năm phù hợp với

tình hình thực tế ở địa phương; đồng thời, chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn xây dựng chương trình, kế hoạch về dân số trong giai đoạn mới; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục thực hiện Pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình tại địa phương.

- Tích cực huy động nguồn lực và khai thác lợi thế của từng địa phương; tổ chức thực hiện các hoạt động theo nội dung chương trình, đề án, dự án của dân số và phát triển cho phù hợp, hiệu quả.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Thường trực BCĐ Công tác Dân số và Nâng cao chất lượng dân số tỉnh (Chi cục Dân số - KHHGĐ) để tổng hợp, báo cáo Sở Y tế tham mưu Trưởng ban BCĐ để có hướng dẫn, triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế, Tổng cục DS-KHHGĐ (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Tùng